

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2020/DS-ST

Ngày: 06/7/2020

*V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Quý Phương

2. Bà Trần Thị Hoài Ân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quốc Thiên Hương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 5/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 23/2020/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa 26/2020/QĐST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Anh T, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Liên H, sinh năm 1969; cùng địa chỉ: Khu phố B, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Bảo Q, sinh năm 1977, địa chỉ: phường Đ, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền số 09967, quyền số 9 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/9/2019);

Ông Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Ngô Minh K, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: Phường S, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh;

Ông K và bà Đ vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện được nộp vào ngày 18/10/2019 của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Bảo Q là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/11/2018, vợ chồng ông Đỗ Anh T và bà Nguyễn Liên H có cho ông Ngô Minh K và bà Nguyễn Hồng Đ vay số tiền là 3.500.000.000 (Ba tỷ năm trăm triệu) đồng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng. Đến tháng 6/2019, ông K và bà Đ vẫn không hoàn trả lại số tiền đã vay nêu trên cho ông T và bà H. Do đó, ông T và bà H khởi kiện yêu cầu ông Ngô Minh K và bà Nguyễn Hồng Đ trả số tiền đã vay là 3.500.000.000 đồng, đồng thời ông K và bà Đ phải trả tiền lãi tạm tính từ ngày 01/7/2019 đến ngày 01/10/2019 với mức lãi suất 1%/tháng là 140.000.000 đồng. Tổng số tiền ông K và bà Đ phải trả tạm tính đến ngày 01/10/2019 là 3.640.000.000 đồng.

Ngày 22/6/2019, ông Phạm Bảo Q có đơn yêu cầu thay đổi lãi suất yêu cầu ông K và bà Đ phải trả tiền lãi tạm tính từ ngày 01/7/2019 đến ngày 01/7/2020 (12 tháng) với mức lãi suất 0,83%/tháng là 348.600.000 đồng.

Ngày 22/5/2020 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về nội dung giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Đỗ Anh T, bà Nguyễn Liên H khởi kiện yêu cầu ông Ngô Minh K, bà Nguyễn Hồng Đ trả số tiền còn nợ, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Theo Kết quả cung cấp thông tin của Công an Phường S, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh: “ Ông Ngô Minh K và bà Nguyễn Hồng Đ có hộ khẩu thường trú tại số Phường S, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 19/8/2017 nhưng không thực tế cư trú tại địa phương, không rõ nơi cư trú hiện nay của ông K và bà Đ”. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ- HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: Bị đơn

không còn cư trú tại địa chỉ ghi trong Hợp đồng nhưng không thông báo nơi cư trú mới cho người khởi kiện xem như bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ những quy định trên, Hội đồng xét xử xác định địa chỉ tại Quận 11 là địa chỉ của bị đơn. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Đỗ Anh T, bà Nguyễn Liên H do ông Phạm Bảo Q làm đại diện theo ủy quyền có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Ngô Minh K, bà Nguyễn Hồng Đ vắng mặt lần 2 tại phiên tòa dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

3.1 Đối với yêu cầu trả số tiền nợ gốc là 3.500.000.000 đồng:

Căn cứ vào hợp đồng vay tiền ký kết giữa ông Đỗ Anh T, bà Nguyễn Liên H và ông Ngô Minh K, bà Nguyễn Hồng Đ đã được công chứng, chứng thực tại Văn phòng Công chứng Lương Khánh Linh, số công chứng 09020, Quyển số 11 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/11/2018. Hợp đồng vay đã được công chứng chứng thực hợp pháp; bị đơn không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xem như chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự: đối với những tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối thì những chứng cứ này được xem là có giá trị và được sử dụng làm căn cứ giải quyết vụ án. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông Ngô Minh K, bà Nguyễn Hồng Đ có vay của ông Đỗ Anh T, bà Nguyễn Liên H số tiền 3.500.000.000 (Ba tỷ năm trăm triệu) đồng.

Theo Hợp đồng hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 06 (sáu) tháng kể từ ngày ký 30/11/2018, đã quá thời hạn trên, bị đơn vẫn không thanh toán. Vì vậy, căn cứ vào Khoản 1 Điều 466 Bộ Luật dân sự 2015: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”* đối với yêu cầu của ông Đỗ Anh T, bà Nguyễn Liên H buộc ông Ngô Minh K, bà Nguyễn Hồng Đ phải trả số nợ gốc 3.500.000.000 (Ba tỷ năm trăm triệu) đồng đã vay là có cơ sở cần chấp nhận.

3.2 Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất từ ngày 01/7/2019 đến ngày 01/10/2019 với mức lãi suất 1%/tháng là 140.000.000 đồng. Ngày 22/6/2019, đại diện nguyên đơn nộp đơn yêu cầu thay đổi lãi suất 0,83%/tháng là 348.600.000 đồng.

Hội đồng xét xử căn cứ quy định vào khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015: *“Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”* và căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *“ Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50%/mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ ”.*

Do ông K, bà Đ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, do đó ông T, bà H yêu cầu ông K, bà Đ thanh toán tiền lãi chậm trả từ ngày 01/7/2019 đến ngày 01/7/2020 (12 tháng

với lãi suất 0,83%/tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015) là 348.600.000 đồng không trái quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

Căn cứ vào những nhận định trên phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở buộc ông Ngô Minh K, bà Nguyễn Hồng Đ phải thanh toán cho ông Đỗ Anh T, bà Nguyễn Liên H số tiền còn nợ tính đến ngày 01/7/2020 là 3.848.600.000 (Ba tỷ tám trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm nghìn) đồng, trong đó, số tiền nợ gốc là 3.500.000.000 (Ba tỷ năm trăm triệu) đồng, tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 348.600.000 (Ba trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm nghìn) đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Anh T, bà Nguyễn Liên H không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí. Ông Ngô Minh K và bà Nguyễn Hồng Đ chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Anh T, bà Nguyễn Liên H về việc yêu cầu ông Ngô Minh K và bà Nguyễn Hồng Đ trả nợ.

2. Buộc ông Ngô Minh K và bà Nguyễn Hồng Đ có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Anh T, bà Nguyễn Liên H số tiền còn nợ tính đến ngày 01/7/2020 là 3.848.600.000 (Ba tỷ tám trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm nghìn) đồng, trong đó, số tiền nợ gốc là 3.500.000.000 (Ba tỷ năm trăm triệu) đồng, tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 348.600.000 (Ba trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm nghìn) đồng. Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp ông Ngô Minh K và bà Nguyễn Hồng Đ chậm thực hiện nghĩa vụ nêu trên thì ông K và bà Đ còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả cho ông Đỗ Anh T, bà Nguyễn Liên H theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Ngô Minh K và bà Nguyễn Hồng Đ phải chịu án phí là 108.972.000 (Một trăm lẻ tám triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn) đồng.

- Hoàn lại cho ông Đỗ Anh T, bà Nguyễn Liên H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.680.000 (Mười triệu sáu trăm tám mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0015312 ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Mỹ Duyên